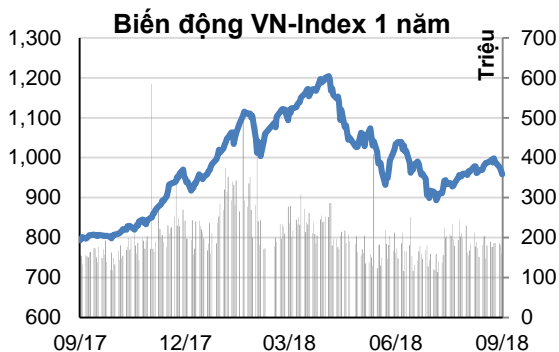


Biến động thị trường

	21/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	1,003	2.4%	3.5%
GTGD	9,185	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-782	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Rung lắc

- Thị trường chứng khoán rung lắc khi hai quỹ ETF cơ cấu danh mục. VN-Index điều chỉnh 0.18% và đóng cửa tại mức 1,002.97 điểm trong khi HNX-Index lại có diễn biến trái chiều khi đi lên 0.64%. Thanh khoản tăng mạnh với 273 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 7,681 tỷ đồng giá trị.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường đang tiêu cực khi có 163 mã giảm và 128 mã tăng. VN30-Index và VNSmall-Index đi lên 0.33% và 0.07% trong khi đó VNMid-Index lại có sự suy yếu 0.07%.
- Nhóm ngân hàng bứt phá và dẫn dắt xu hướng chung nhờ CTG, VCB, VPB, TCB và MBB. Thêm vào đó, BMP, CTD, MWG, KDH, VCI, PNJ và VNM cũng tăng trưởng tốt trên 1%.
- Chiều ngược lại, KDC và NVL hai cổ phiếu trong VN30 lại giảm sàn. GAS, PVD và PVS thuộc nhóm dầu khí chìm trong sắc đỏ trước áp lực chốt lời.
- Khối ngoại bán ròng mạnh 782 tỷ đồng trong phiên giao dịch hôm nay khi chịu ảnh hưởng từ sự cơ cấu của hai quỹ ETF. MSN, NVL và VCB bị bán ra nhiều nhất với giá trị lần lượt 214 tỷ đồng, 179 tỷ đồng và 95 tỷ đồng. Ở chiều mua, nhóm này tập trung vào VNM, GEX và CTD.

Nhận định thị trường: Thị trường điều chỉnh trước áp lực từ nguồn cung trong phiên chiều. Tuy nhiên, xu hướng tăng ngắn hạn được duy trì do VN-Index vẫn đóng cửa trên ngưỡng 1,000 điểm. Nhà đầu tư có thể nắm giữ danh mục hiện tại và tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt.

Trái phiếu và Hàng hóa

	21-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.095%	4.088%	2.273%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.298%	4.375%	3.008%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.125%	5.138%	4.800%
Dầu WTI (\$/thùng)	70.72	67.35	65.54
Gold (\$/oz)	1,208	1,196	1,267

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	20.2	17.2	14.5

Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468

Phat.pt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

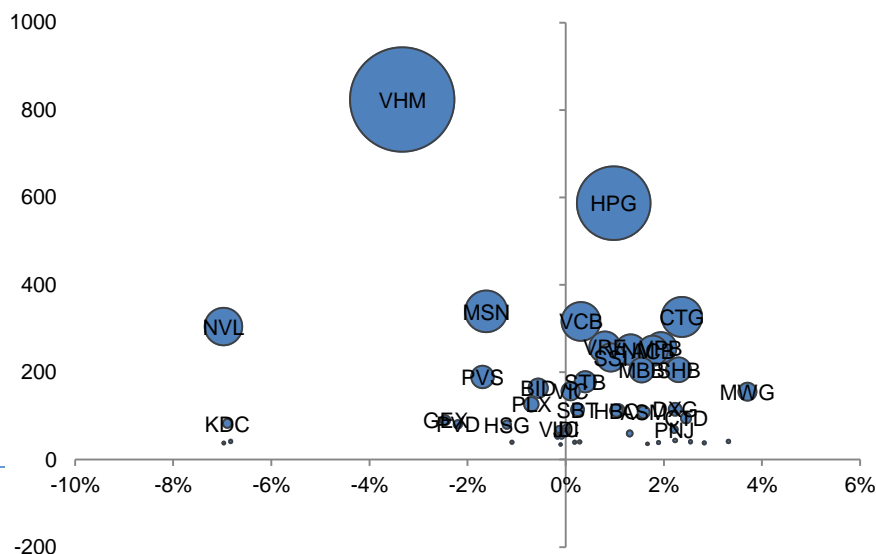
Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

Hieu.ttm@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 990-995

Kháng cự 1: 1,000-1,010

Hỗ trợ 2: 970-980

Kháng cự 2: 1,035-1,040

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



Diễn biến VN-Index hơi bị nhiễu hôm nay do tác động của ngày giao dịch trọng điểm của kỳ cơ cấu danh mục quý 3 của các quỹ ETF. Tuy nhiên, diễn biến chỉ số không có nhiều thay đổi khi xu hướng tăng vẫn đang duy trì. Giao dịch nhìn chung khá cân bằng với khối lượng khớp lệnh gia tăng mạnh đạt 273 triệu đơn vị do hôm nay là ngày cuối cùng của kỳ cơ cấu ETF quý 3.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), xu hướng của VN-Index đang là tăng điểm và xu hướng tăng vẫn đang hình thành và phát triển sau tín hiệu break-out khỏi trendline kháng cự. Các chỉ báo kỹ thuật đồng thuận tín hiệu tăng với RSI đi lên mạnh trong khi MACD cắt lên đường Signal. Mục tiêu ngắn hạn cho chỉ số nằm tại MA(200) tương ứng quanh 1,024 điểm.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C dự kiến đang hình thành với vùng giá mục tiêu quanh 1,012-1,024 điểm.

Hành động

VN-Index vẫn đang tiếp diễn xu hướng tăng. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có xung lực tốt với dòng tiền tham gia tích cực đồng thời nâng tỷ trọng cổ phiếu ở nhịp điều chỉnh.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX				Tăng / Giảm				Tăng / Giảm (%)				Thống kê tăng/giảm			
VN-Index		1,003		-1.77		-0.2%		SL CP tăng giá					128		
KLGD ('000 cổ phiếu)		302,452		97,892		47.9%		SL CP giảm giá					163		
GTGD (tỷ VND)		9,185		4,166		83.0%		SL CP không đổi					74		
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)							
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD				
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng				
VNM	137,800	1,800	0.82	VHM	101,500	-3,500	-2.955	VHM	101,500	8.10	824.0				
CTG	28,100	650	0.76	NVL	60,000	-4,500	-1.286	HPG	41,300	14.27	587.0				
MWG	126,000	4,500	0.46	MSN	91,000	-1,500	-0.550	MSN	91,000	3.71	339.2				
VPB	26,300	500	0.38	BID	35,300	-200	-0.215	CTG	28,100	11.68	326.3				
TCB	28,300	300	0.33	PLX	70,800	-500	-0.204	VCB	64,600	4.89	316.4				
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm											
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index									
	%	Điểm			%	Điểm									
TD không thiết yếu	1.7%	0.55		Bất động sản	-1.5%	-3.82									
Nguyên vật liệu	1.1%	0.45		Năng lượng	-0.8%	-0.25									
Khác	0.8%	0.00		Dịch vụ tiện ích	-0.3%	-0.22									
Tài chính	0.7%	1.82		Công nghiệp	-0.3%	-0.21									
TD thiết yếu	0.3%	-0.05		Y Tế	0.0%	0.00									
SÀN GIAO DỊCH HNX				Tăng / Giảm				Tăng / Giảm (%)				Thống kê tăng/giảm			
HNX-Index		116		0.74		0.6%		SL CP tăng giá					92		
KLGD ('000 cổ phiếu)		69,642		23,215		50.0%		SL CP giảm giá					89		
GTGD (tỷ VND)		954		328		52.3%		SL CP không đổi					193		
Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)							
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD				
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng				
ACB	34,400	600	0.77	HHC	94,500	10,500	-0.10	ACB	34,400	7.29	249.3				
SHB	8,900	200	0.21	PVS	23,200	-400	-0.09	SHB	8,900	23.25	205.8				
NTP	51,500	3,000	0.08	DL1	34,800	-600	-0.03	PVS	23,200	8.16	189.1				
OCH	6,500	400	0.04	SLS	64,000	-4,000	-0.02	VCG	18,100	2.19	39.9				
V21	17,200	1,500	0.02	VGC	19,000	-100	-0.02	VGC	19,000	1.67	31.7				
Top 5 Ngành Tăng				Top 5 Ngành Giảm											
Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index		Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index									
	%	Điểm			%	Điểm									
Khác	24.0%	-0.01		Bất động sản	-0.1%	-0.03									
Công nghiệp	8.1%	0.00													
TD không thiết yếu	5.3%	0.03													
TD thiết yếu	3.6%	-0.11													
Y Tế	3.2%	0.01													

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VNM	137,800	207.9	159.1	48.8
GEX	27,800	64.6	27.2	37.4
CTD	167,000	29.5	0.2	29.3
GAS	115,900	30.7	5.7	25.0
VCI	64,700	26.0	9.6	16.4

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
MSN	91,000	93.5	308.2	-214.6
NVL	60,000	109.0	288.8	-179.8
VCB	64,600	87.6	183.2	-95.6
VIC	98,600	56.1	127.0	-70.9
VRE	37,850	147.8	215.0	-67.2

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

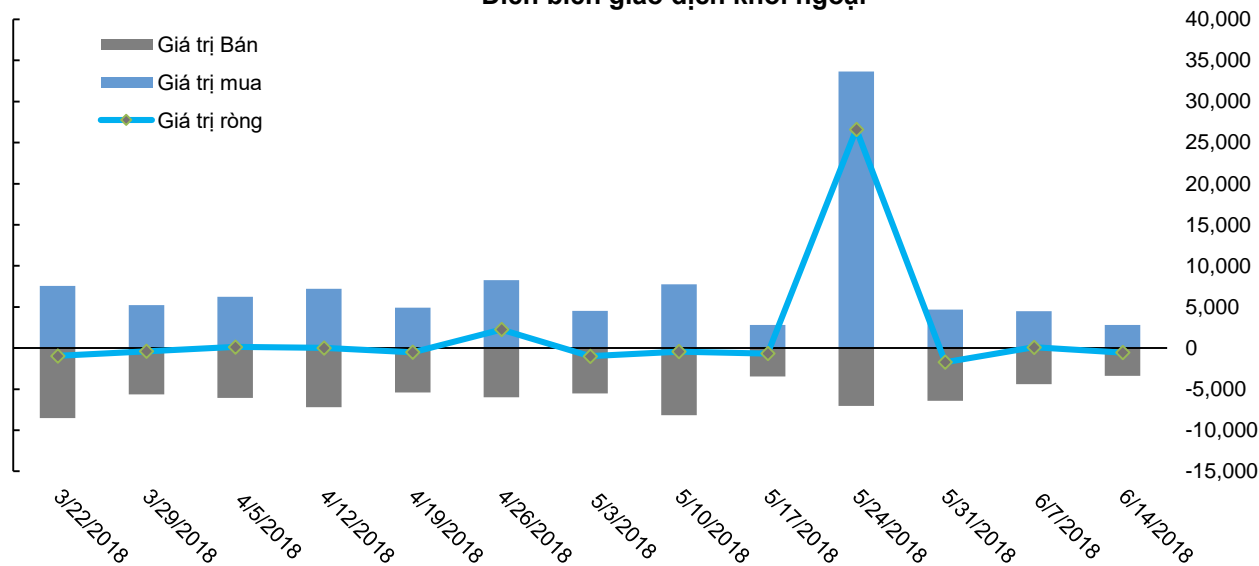
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VGC	19,000	9.6	4.4	5.2
CEO	13,900	1.5	0.8	0.7
SHB	8,900	0.7	0.1	0.6
NTP	51,500	0.6	0.0	0.6
DHT	36,500	0.4	0.0	0.4

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VCG	18,100	1.6	9.5	-7.9
TIG	2,900	0.0	2.8	-2.8
PVS	23,200	0.0	2.5	-2.4
CMI	1,400	0.0	1.1	-1.1
PVB	21,300	0.0	1.1	-1.1

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 960

Kháng cự 1: 990

Hỗ trợ 2: 920

Kháng cự 2: 1,010

VN30 - Daily 9/21/2018 Open 971.12, Hi 978.77, Lo 968.73, Close 974.43 (0.3%) MA(Close,10) = 960.02, MA2(Close,150) = 1,010.80



Nhận định xu hướng: VN30-Index duy trì xu hướng tăng sau tín hiệu break-out phiên liền trước. Không có nhiều thay đổi khi quan điểm kỹ thuật về chỉ số vẫn đang là tăng điểm và xu hướng tăng đang là chủ đạo.

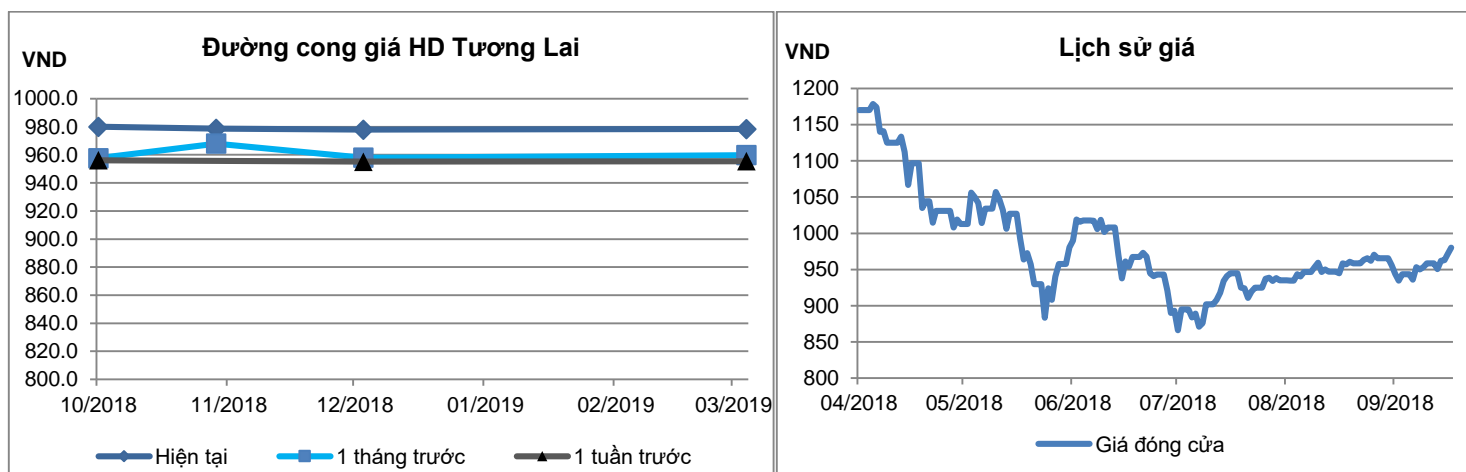
Các chỉ báo xung lực giá và xu hướng như RSI và MACD cũng xác nhận tín hiệu tăng giá với RSI đang gia tăng khá dốc. Mục tiêu trước mắt cho chỉ số quanh 990-1,000 điểm.

Chiến lược đầu tư:

-Long VN30F1810 ở nhịp điều chỉnh với điểm vào kỳ vọng của chúng tôi quanh 976-978 điểm. Mục tiêu 990 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng 967 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	974	3.3	0.3%	56,330,910			
VN30F1810	980	7.5	0.8%	76,966	9,169	18/10/2018	27
VN30F1811	979	3.5	0.4%	178	0	15/11/2018	55
VN30F1812	978	5.4	0.6%	184	576	20/12/2018	90
VN30F1903	978	7.4	0.8%	72	207	21/03/2019	181



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
24/09/2018	PME	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
24/09/2018	ALV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
24/09/2018	VDL	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
24/09/2018	BCP	Upcom	Giao dịch 1.960.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung
24/09/2018	MBG	HNX	Giao dịch 1.040.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung
24/09/2018	ART	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex
24/09/2018	MVC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
25/09/2018	NGC	HNX	Giao dịch 299.910 cổ phiếu niêm yết bổ sung
25/09/2018	CTP	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 10%)
25/09/2018	ADP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)
25/09/2018	CI5	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)
25/09/2018	TTF	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
25/09/2018	PAN	HSX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2018
26/09/2018	THG	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1.200 đ/cp)
26/09/2018	BLN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (230đ/cp)
26/09/2018	VLB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
27/09/2018	TRS	Upcom	Đã thu hồi 3.700 CP ESOP
27/09/2018	SEA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
27/09/2018	HTV	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (1.200 đ/cp)
27/09/2018	ST8	HSX	Trả cổ tức năm 2018 (1.500 đ/cp)
27/09/2018	IKH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (450đ/cp)
27/09/2018	MPC	Upcom	Giao dịch 1.537.150 cổ phiếu niêm yết bổ sung
27/09/2018	DAG	HSX	Trả cổ tức năm 2017 (500 đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 20:1)
27/09/2018	KPF	HSX	Chi cổ tức năm 2016, 2017 (1.000 đ/cp)
28/09/2018	HBW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (520đ/cp)
28/09/2018	DBH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (270đ/cp)

28/09/2018	NBP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.020đ/cp)
28/09/2018	UPC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.